



HOÀNG NAM TIẾN



Thư cho em

Chuyện tình
tương Hoàng Đan và vợ
qua lời kể con trai



ƯU ĐÃI THÀNH VIÊN TBooks

- ✓ Tặng 10GB lưu dữ liệu sách
- ✓ Tạo thư viện riêng bản thân
- ✓ Download Nhanh trực tiếp, không quảng cáo

GIẢM 30%

ĐĂNG KÝ NGAY GIẢM 30%



Giới Thiệu Ứng Dụng Tbooks

TBooks – Ứng Dụng Giúp Bạn Download, Lưu Trữ Ebook và tạo thư viện Ebook online riêng mình.

Website: [Tbooks.Cloud](https://tbooks.cloud)

Ebooks Kindle tải trực tiếp: [Thư Viện Kindle](#)

List Sách Tbooks: [Link](#)

Đây Là Ứng Dụng Giúp Bạn Lưu Trữ Ebook và tạo thư viện riêng mình, Tbooks Cloud giúp các bạn dùng kindle, Android, Iphone, Windows có thể tải ebook từ internet dễ dàng, ngoài ra bạn còn có thể tạo một thư viện riêng cho mình trên ứng dụng từ nay cần gì bạn có thể tải về nhanh chóng không cần chép vào máy nặng máy, tốn pin máy đọc sách, không còn nỗi lo mất ebook vì tất cả ebook lưu trên cloud.

Ưu điểm TBooks so với App ebook, sách khác thị trường:



Xem Thêm Ebook [Https://www.Tbooks.Cloud](https://www.tbooks.cloud)

- Upload file ebook tới 100mb
- Tạo thư viện ebook cá nhân, có thể chia sẻ bạn bè.
- Kho data lớn 50.000 ebook nhiều thể loại, có thể nói kho ebook lớn nhất Việt Nam cập nhật thêm mỗi ngày
- Tải trực tiếp click là download ngay không cần chờ đợi
- Giao diện đơn giản chỉ có hiển thị bìa sách và tìm kiếm.
- Nhiều định dạng file Azw3/Epub/Pdf/Mobi phù hợp cho tất cả thiết bị
- Giao diện nhiều thiết bị điện thoại, ipad, ngay cả máy đọc sách như kindle luôn nhé, này đảm bảo chỉ Tbooks Cloud mình là thân thiện nhất theo mình biết.
- Sử dụng cloud server riêng, tự mình setup chứa ebook
- Tự động backup dữ liệu mỗi ngày tránh sự cố mất data
- Có ứng dụng cho điện thoại Android. Phiên bản web app cho ios, máy đọc sách kindle
- Tham gia group cộng đồng chia sẻ ebook hay

Link <https://www.facebook.com/groups/tbooksgroup>



Thư cho em



THU CHO EM

Chuyện tình tướng Hoàng Đan và vợ qua lời kể con trai

Copyright © Hoàng Nam Tiến, 2023

Xuất bản theo hợp đồng sử dụng tác phẩm giữa Công ty Văn hóa và
Truyền thông Nhã Nam và tác giả Hoàng Nam Tiến.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp,
phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán
trên mạng Internet mà không có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản
là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của nhà xuất bản và tác giả.

Không ủng hộ, khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền.

Chỉ mua bán bản in hợp pháp.



HOÀNG NAM TIẾN

Thư cho em

Chuyện tình tướng Hoàng Đan và vợ
qua lời kể con trai



*Dành tặng mẹ An Vinh và ba Đan, với tất cả niềm
thương nhớ của con.*



MỤC LỤC

Lời nói đầu	11
--------------------------	-----------

ĐI ĐIỆN BIÊN PHỦ VỀ, TA CƯỚI!

Những lá thư còn lại.....	16
Khi tình chớm nở.....	20
Thắng Điện Biên Phủ, người lính về cưới vợ	49
Những con đường rất tình....	70
Hoa trái tình yêu	85

HƯƠNG GÂY MÙI NHỚ

1400 ngày cách xa, 400 lá thư xuyên lục địa.....	102
“Cuộc đời chúng ta gắn bó với nhau quá rồi”	109
Dòng tâm sự bất tận	121
“Em có hay nói chuyện với con không?”	133
Khát khao gần nhau, khát khao thấu hiểu.....	142



THƯ CHO EM GIỮA HAI BÊN SÚNG ĐỊCH TA VẪN NỔ

Những lời yêu từ mặt trận 1968-1969	171
“Xa em biết bao nhung nhớ” 1970-1973	214
“Hẹn gặp em trong chiến thắng” 1974-1975	233

VỀ ĐÂY BÊN NHAU

Hòa bình của vị chiến tướng.....	254
“Lịch sử là gì mà làm lính tôi khổ thế?”	267
Còn lại tình yêu	288
Lời cảm ơn	307
Tài liệu tham khảo	309



“Năm tháng sẽ trôi qua, những cuộc chiến tranh sẽ im ắng dần, những cuộc cách mạng sẽ thôi gào thét và sẽ còn lại không phôi pha tấm lòng em nhẫn nại, dịu dàng và chan chứa yêu thương...”

(Con đường đau khổ - Aleksey Nikolayevich Tolstoy)



LỜI NÓI ĐẦU

Ba tôi là thiếu tướng Hoàng Đan, mẹ tôi là đại biểu Quốc hội Nguyễn Thị An Vinh. Họ thành vợ chồng vào một ngày mùa thu năm 1954, sau khi ba đạp xe hơn ngàn cây số tìm cho được người mình yêu cưới làm vợ.

Nhưng cũng như bao đôi trai gái thời ấy, họ đã sống xa nhau. Suốt hơn ba mươi năm, tính từ ngày ba mẹ ăn hỏi vào mùa xuân năm 1953, họ chẳng mấy khi bên nhau: ăn hỏi xong ba đi luôn chiến dịch Điện Biên Phủ; miền Bắc hòa bình, họ cưới nhau, nhưng ba ở Hà Nội, mẹ công tác trên Lạng Sơn; đến khi mẹ được về Hà Nội thì ba đi Liên Xô học cao cấp quân sự; về nước, ba đánh chiến dịch Khe Sanh (1968), Đường 9-Nam Lào (1971), chiến dịch Trị-Thiên (1972), Thượng Đức (1974) rồi đến ngày cùng Quân đoàn 2 tiến vào Dinh Độc lập trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (1975); sau đó ba lại ngược lên tham gia chiến tranh biên giới phía Bắc đến tận 1984.



Suốt thời gian đó, những bức thư đã trở thành sợi dây buộc chặt tình yêu hai người.

Ba là tướng trận. Ông coi việc chiến đấu với kẻ thù, giải phóng đất nước là sứ mệnh thế hệ mình tự nguyện gánh vác, dẫu cho phải hy sinh mạng sống. Đánh giặc đối với ông không chỉ là lo cho nước mà còn là lo cho nhà. *“Anh muốn anh vất vả để các con chúng ta được học hành đến nơi đến chốn và nhất là anh hy vọng nếu có điều kiện học tập thì An và Hải có thể trở nên những nhà bác học tương lai được.”* – ông từng viết thư cho mẹ như thế, khi bà trách ông “hiếu chiến” mới ra Bắc đã lại vào chiến trường. Mặt trận nào ác liệt nhất đều có mặt ông. Ba mươi năm có gia đình, chưa một cái Tết nào ông được về nhà. Dẫu ba đã chọn cầm súng và trở thành một vị tướng theo yêu cầu của lịch sử, nhưng tôi biết, trong thâm tâm ông luôn mong muốn trở thành nhà giáo, cả đời dạy học, sống một đời yên bình bên vợ con.

Mẹ 8 tuổi đi ở mướn, 16 tuổi đi theo cách mạng. Đến khi lấy ba năm 21 tuổi, mẹ vẫn chưa học hết cấp hai. Nhờ có cách mạng, mẹ đã học hết cấp ba, đã tốt nghiệp đại học, sau này đã lấy bằng quản trị kinh doanh cao cấp ở nước ngoài. Ba đánh giặc ngoài tiền tuyến, ở hậu phương, mẹ trở thành người phụ nữ thay chồng nuôi con, chu toàn gia đình. Mẹ từ thân phận người ở trở thành cán bộ mật dịch, thành phó giám đốc Sở Thương nghiệp Hà Nội, là đại biểu Quốc hội trong mười năm, tham gia vào giai đoạn



quan trọng trong sự phát triển của kinh tế thủ đô.

Nhưng dù mẹ có làm bao nhiêu trọng trách ngoài kia đi chăng nữa, thì với tôi, mẹ vẫn là người thương tôi, yêu tôi nhất. Tôi cùng tuổi Gà với mẹ, luôn tin mình cảm nhận được tình yêu của mẹ từ khi còn nằm trong bụng. Bao năm qua, mỗi khi nhắm mắt lại nhớ mẹ, tôi như thấy bàn tay ấm và khô sờ lên người mình, âu yếm dịu dàng xoa lưng cho tôi, thủ thỉ với tôi những câu Kiều, hát ru tôi ngủ, dù tôi là một cậu bé hay đã trở thành một “chàng trai” U60 kền càng.

Tôi thần tượng ba từ bé. Tôi theo ba đi khắp các mặt trận, học được từ ông bản lĩnh của một vị tướng cầm quân nơi tuyến đầu. Tôi kính trọng và yêu thương mẹ, người phụ nữ mạnh mẽ và có tấm lòng ấm áp. Dẫu cuộc sống có cho tôi cơ hội đảm nhiệm nhiều vị trí, nhưng điều tôi tự hào nhất luôn là được làm con trai của Ba Mẹ.

Ba đã đi được hai mươi năm.

Mẹ vừa xa tôi.

Tôi muốn kể lại câu chuyện của ba mẹ - một chuyện tình vượt qua hai thế kỷ, tràn đầy triu mến thương yêu và gắn liền với các mốc lịch sử lớn lao của dân tộc. Tôi muốn lưu lại tất cả những gì thuộc về họ, trước hết là cho chính tôi, con cháu và đại gia đình của mình – những ai đã sống trong tình yêu thương và che chở của ba mẹ.

Với bạn đọc, tôi hy vọng các bạn tìm thấy một điều gì thú vị trong cuốn sách – có thể là một chuyện tình thời



Hoàng Nam Tiến

chiến “Khi Tổ quốc cần, họ biết sống xa nhau”; có thể là những dòng thư lãng mạn và rất mực “soái ca” của một vị tướng; hoặc là những bài học trong việc giao tiếp với bạn đời, nỗ lực hiểu nhau, yêu thương và bao dung với nhau trong gần năm mươi năm của một cặp vợ chồng.

Dù là vì điều gì, cảm ơn bạn đã cầm cuốn sách trên tay, cùng tôi lưu giữ một thời đại anh hùng và lãng mạn đang dần lùi xa.

Hoàng Nam Tiến



ĐI ĐIỆN BIÊN PHỦ VỀ, TA CƯỜI!

“Anh vẫn tin nhất định chinh phục được trái tim em, vì anh biết em chưa yêu ai... Em chưa yêu ai thì làm sao em lại không yêu anh?”



NHỮNG LÁ THƯ CÒN LẠI

Ba mất vào một ngày mùa đông 2003.

Hôm đó sau khi đưa mẹ đi khám từ Bệnh viện Quân đội 108 về, mẹ tôi than với ba bệnh viện đưa thiếu thuốc, thế là ba tức tốc phóng xe máy ra ngoài mua thêm cho bà.

Đang đi đường, một cơn nhồi máu cơ tim bất ngờ ập đến. Người lính già dừng xe lại ở góc phố, từ từ nằm xuống. Dân hai bên phố tri hô đưa ông đến viện, nhưng không kịp nữa.

Lúc làm lễ nhập quan cho ba, không hiểu sao mẹ vô cùng quyết liệt yêu cầu tôi trực tiếp phải đưa vào quan tài ba toàn bộ thư từ và nhật ký ba mẹ viết cho nhau. Hình như bà muốn tất cả những gì thuộc về kỷ niệm của hai người sẽ đi theo ông.

Tôi chưa hiểu hết lòng mẹ khi ấy. Nhưng tôi nghĩ những lá thư không chỉ có ý nghĩa với ba mẹ mà còn là một phần của đại gia đình. Tôi muốn con cháu sau này biết về quá khứ của ông bà, về một thời đoạn quan trọng





Những lá thư vàng ố lưu giữ mỗi tình của ba mẹ



trong dòng chảy lịch sử của dân tộc mà ông bà thuộc về. Tôi muốn những ký ức vừa lãng mạn, vừa vinh quang lại vừa rất đời thường đó tiếp tục sống với tôi và những đứa trẻ trong nhà. Nó không thể mất đi được!

Thế là tôi to gan đánh liều lén giấu lại một hộp tài liệu, trong đó là hơn 400 bức thư ba mẹ gửi cho nhau qua hai cuộc chiến.

Có một điều rất lạ là thư ba thì rất nhiều, nhưng thư mẹ lại rất ít. Thư của mẹ chỉ có khoảng mấy chục lá đợt ba đi Liên Xô, còn lại đều không thấy. Tôi băn khoăn lắm nhưng quyết định không hỏi - mẹ lúc đó vẫn chưa biết chuyện thằng con út dám to gan giấu mình.

Tôi chậm rãi đọc thư qua nhiều năm. Những bức thư mấy chục năm tuổi, giấy đã vàng ố màu thời gian. Sau này tôi nhờ các bạn nhân viên đánh máy lại để tiện mang theo đọc do thường xuyên phải đi công tác trong và ngoài nước. Những lá thư thành cuộc du hành thời gian của riêng tôi về thế giới tình cảm của ba mẹ mình.

Trong mỗi bức thư, tôi thấy hiện lên một thời kỳ hào hùng của đất nước. Tôi như thấy nhịp hành quân hối hả của ba khi bước vào những trận đánh dữ dội - từ Thượng Lào sang Thượng Đức rồi giải phóng Sài Gòn. Tôi thấy những khó khăn vất vả của mẹ khi một mình chăm sóc gia đình và phấn đấu cho sự nghiệp. Thấy nỗi nhớ khi tha thiết lúc dịu êm của hai người. Thấy cả những hờn giận và trách móc. Những nỗ lực thấu hiểu... Tôi như đi lại



Thư cho em

hành trình năm mươi năm bên nhau của ba mẹ, mừng tượng ra ba viết thư cho mẹ khi vội vàng trong những đợt chuyển quân, khi thư thả những ngày đi Liên Xô học; nghĩ về những khi mẹ xong việc nhà, cho con ngủ yên rồi mới khêu đèn viết thư cho chồng... Tình yêu của họ lớn dần trong tình yêu đất nước, trong dòng chảy của lịch sử, trong khát vọng hòa bình.

Từng lá thư như những sợi dây mềm buộc một cuộc tình năm mươi năm bền chặt, qua ngày tháng, từ từ được mở ra...



KHI TÌNH CHÓM NỔ

Trai Nghi Lộc, gái Cửa Hội

Chuyện tình ba mẹ rất nổi tiếng ở quê tôi và nội bộ gia đình bè bạn hai bên, không chỉ bởi vai trò quá lớn của ba mẹ trong những năm tháng ấy, mà phần nhiều bởi cách kể chuyện đầy sống động và hóm hỉnh của ba. Tôi đã nghe hàng trăm câu chuyện của ba mẹ qua lời ba kể những khi con cháu đông đủ quây quần dịp giỗ tết, khi ông ngồi hàn huyên cùng chiến hữu bạn bè, đến cả những lúc chỉ riêng hai cha con. Kể chuyện yêu đương là mất ông cũng sáng lên, miệng khi chum chim khi ha hả, tay múa lên như đang thi triển những đường quyền, giọng kể sang sảng lôi cuốn đến mức con cháu không mấy khi bỏ ngang, nhiều lúc vui quá quay ra trêu lại cả hai ông bà. Và khi ấy, khắp nhà giòn giã tiếng cười.

Tình yêu thời ấy của ba mẹ không còn chỉ là ký ức mà đã thành câu chuyện, niềm vui chung của cả gia đình. Tôi



không chỉ nghe ba mẹ kể mà còn nghe từ các bác, các chú trong nhà và cả những người bạn, người đồng đội của hai người, rất nhiều chuyện. Nhưng để các bạn dễ theo dõi, đầu tiên có lẽ nên bắt đầu từ xuất thân của hai người.

Cùng quê Nghệ An, nhưng ba và mẹ có hoàn cảnh rất khác nhau.

Ba tôi tên đầy đủ là Hoàng Đan, sinh năm 1928 tại làng Kim Hòa, tổng Kim Khê, nay là xóm 17, xã Nghi Thuận, Nghi Lộc, gần thị xã Cửa Lò. Người Nghi Lộc có sự chăm chỉ của người nông dân bao đời làm lúa nước, có cái hào sảng của người miền biển, có lòng hiếu học vươn lên thoát cảnh nghèo của người miền Trung nói chung. Không những vậy, Nghi Lộc giàu truyền thống cách mạng. Từ lâu xứ Nghệ đã lưu truyền câu: “Nam Đàn phát vương, Nghi Lộc phát tướng”. “Phát tướng” là bởi trong thế kỷ 20, huyện có tới 8 vị tướng tham gia quân đội – trong đó có ba và tới hơn 50 người vừa là tướng, là anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Gia đình tôi là hậu duệ đời thứ 21 của Sát hải Đại vương Hoàng Tá Thốn – một danh tướng thời Trần, có công lao to lớn trong cuộc kháng chiến của quân dân Đại Việt chống quân Nguyên Mông xâm lược. Các con cháu sau này của cụ đều theo nghề thầy thuốc cứu người, tham gia khoa cử, làm quan giúp nước qua các đời vua chúa. Cụ tổ trên tôi năm đời là Hoàng Nguyên Lễ, làm ngự y dưới triều vua Tự Đức.

Đến thời ông nội tôi là Hoàng Văn Hệ, ông tham gia cách mạng rất sớm, từ những ngày Xô Viết Nghệ-Tĩnh



nóng bỏng. Năm 1945, ông cùng các anh em là Hoàng Văn Liên, Hoàng Văn Mỹ và các con, cháu là Hoàng Khuê, Hoàng Đan (ba tôi), Hoàng Niệm, Hoàng Lâm tham gia Mặt trận Việt Minh, góp phần cùng nhân dân xã giành chính quyền thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám 1945.⁽¹⁾

Trước năm 1945, thời thế bất ổn nhưng ba Đan đã được ông bà cho đi học rất tử tế. Ông theo học bằng tiếng Pháp tại trường huyện từ nhỏ, do đó chịu ảnh hưởng lớn của văn hóa, văn học nước này. Ba tham gia cách mạng và được giác ngộ sớm - ngay 1946, khi mới 18 tuổi, ba được kết nạp Đảng và chiến đấu tại quê nhà.

Năm 1949, ba đã làm tiểu đoàn trưởng. Lúc đó, quân đội ta mới tổ chức đến trung đoàn nên tiểu đoàn trưởng là to lắm, oách lắm, cả tỉnh chỉ có vài tiểu đoàn. Mới hơn 21 tuổi, ba đã chỉ

huy năm trăm người, oai danh khắp vùng, đi khắp tỉnh đều nghe danh “quân ông Hoàng Đan”.



Ba Đan năm 1954.

1. Để tìm hiểu thêm về lịch sử dòng họ Hoàng tại Nghệ An với truyền thống yêu nước và cách mạng bạn đọc có thể tham khảo tại:



Hồi đó ba đẹp trai lắm. Ba không quá cao nhưng nhanh nhẹn, mặt vuông, mắt sâu, rấn rỏi. Khuôn miệng ba đẹp, khi mỉm môi cười thì lộ vẻ hóm hỉnh, khi cười to thì rạng rỡ sáng khoái. Cộng với tài ăn nói có duyên, khả năng hài hước rất riêng nên tôi nghe nói hồi đó ba Đan đã được nhiều phụ nữ mến mộ.

Ngày đó tiểu đoàn trưởng “ngựa hồng, côn bạc” oai hơn đại gia ngày nay đi xe Roll-Royce và dùng điện thoại Vertu – tôi bảo các nhóc nhà mình thế. Mà lúc đó cây súng côn không đeo ở thắt lưng mà phải đeo xệ xuống đùi. Mỗi khi ông cười ngựa hồng, đeo côn, theo sau là đồng chí cần vụ với khẩu xì-ten⁽¹⁾ vào làng là các cô gái đều ngấm nhìn ông rất ngưỡng mộ.

Chính bởi vậy, gia đình nào ở mấy tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình đều muốn gả con gái cho ông.

Mẹ tôi là Nguyễn Thị An Vinh, sinh năm 1933 ở Cửa Hội, cách Nghi Lộc gần hai chục cây số, trong gia đình có người bố, tức ông ngoại tôi, buôn bán có tiếng. Nhà ông ngoại thấy bảo khi ấy giàu lắm, buôn thuyền bán bè đủ cả. Nhưng ông sớm vương phải thói mê cơ bạc, khiến cho tài sản lần lần tiêu tán hết. Khi ông mất, gia cảnh đã hết sức nghèo túng.

Cho nên 8 tuổi, mẹ đã phải đi ở. Mẹ ở trong chính

1. Sten là loại súng tiểu liên rất nổi tiếng do Anh sản xuất, được dùng nhiều trong Thế chiến II.



nhà bác Phụng là chị gái của ba, tức bác ruột tôi, ngay cùng làng Kim Hòa.

Nhà bác Phụng tôi hồi trước kháng chiến rất khá giả. Khi gia đình mẹ tôi sa cơ, vốn nghe tiếng mẹ là cô bé chăm chỉ, bác đã đón mẹ về làm giúp việc. Mẹ tôi kể bác Phụng rất tốt tính, dù mẹ là phận đi ở, làm việc nhà cửa đồng áng vất vả, nhưng bác chưa bao giờ nặng lời hay đối xử hà khắc với mẹ cả.

Như những người con gái vùng Nghệ Tĩnh thời ấy, từ nhỏ mẹ đã đắm mình trong kho dân ca phong phú miền quê Thanh – Nghệ, những vần thơ lục bát của *Truyện Kiều*. Mẹ kể, mẹ đã thuộc *Kiều*, biết ngâm nga từng câu lục bát và nghĩ ngợi về thân cô Kiều, từ khi mẹ là một cô bé nhỏ dại, chưa biết chữ, đến khi đi ở, những lúc cặm cùi gánh nước nấu cơm... “Những điều trông thấy mà đau đớn lòng”, “Đầu lòng hai ả tố nga/ Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân...”, “Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều”...

Sau Cách mạng Tháng Tám, khi được chùng 13, 14 tuổi, dù mang thân phận người ở, mẹ vẫn được gia đình bác Phụng cho đi học bình dân học vụ. Đây là phong trào xóa nạn mù chữ trong toàn dân, với mục tiêu cấp bách là tiêu diệt được giặc đốt để phát triển đất nước. Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã phát động phong trào này ngay sau khi cách mạng thành công và Việt Nam giành được độc lập. Bác Phụng có lẽ đã nhìn ra tố chất của mẹ, và muốn thông qua mẹ mà dạy dỗ con cái



mình, “để các con lấy đó làm gương mà phấn đấu”. Sớm trải qua nhiều gian khổ, ngay từ nhỏ mẹ đã là một người rất tháo vát, chăm chỉ. Khi được cho đi học bình dân học vụ, mẹ vốn sáng dạ, chăm chỉ, lại thêm quyết tâm biết chữ để đổi đời nên học rất nhanh, học giỏi và được gia đình bác Phụng ngày càng thương yêu, quý mến.

Yêu quý và tin tưởng đến mức bác Phụng đã “nhắm” mẹ tôi cho ba. Bác Phụng nghĩ nếu ba cưới được mẹ, kháng chiến thành công thì tốt rồi, còn lỡ “có gì” thì mẹ sẽ chăm sóc, lo lắng cho ba tốt hơn những cô gái gia đình khá giả hay môn đăng hộ đối khác. Bác có những suy nghĩ thật lạ, khác biệt nhưng cũng rất thật của người nông dân như vậy.

Vì vậy nên bác để mẹ học hết các bậc thời đó, tạo điều kiện hết sức để mẹ “tương xứng” với ba. Tôi không biết hồi đó mẹ đã hiểu ra ý này của các cụ chưa.

Và tôi lại càng không biết mẹ có nghe tiếng và thầm mến “anh Hoàng Đan” như bao cô gái trong vùng hồi đó không. Nhưng mỗi khi ba cưới ngựa về

Mỗi khi ba cưới ngựa về làng, ngay lập tức mẹ sẽ chạy vào nhà thay tấm áo nâu mới – đấy là ba kể thế, còn mẹ tôi kiên quyết không nhận!

làng, ngay lập tức mẹ sẽ chạy vào nhà thay tấm áo nâu mới – đấy là ba kể thế, còn mẹ tôi kiên quyết không nhận!

Không chắc ba mẹ thật sự để ý nhau từ khi nào, nhưng bác Phụng tôi từ những năm 1949-1950 đã “ra tay”, bác



âm thầm bồi dưỡng mẹ, và sau này nữa, trực tiếp xắn tay vào mai mối cho cuộc tình của thằng em ruột trong nhà.

Ba hồi đó còn mải chiến trận khắp các tỉnh của dải đất miền Trung. Người đàn ông quyết gắn đời mình với Đảng và sự nghiệp giải phóng dân tộc, coi cái chết là chuyện đương nhiên và luôn bình thản đối mặt, nhưng lòng vẫn mong chờ một tình yêu làm điểm tựa. Ông có lẽ không biết rằng: hạt giống đầu của một chuyện tình dài đã được gia đình âm thầm gieo mầm.

“Thế là anh quyết định anh đã yêu cô Vinh rồi”

Chuyện vì sao ba yêu mẹ được ba tôi kể đặc biệt chi tiết và ly kỳ, đến nỗi nhiều khi tôi vừa phục lẫn ông sao có thể nhớ chính xác đến thế, vừa nửa tin nửa ngờ không biết ba kể có thật hay không?

Nhưng tôi biết chắc một điều là, khi người ta yêu, người ta thường nhớ rất rõ những ấn tượng đầu tiên về nhau, những kỷ niệm đầu tiên với nhau. Tôi hay hỏi ba lần đầu tiên gặp mẹ là lúc nào, vì mẹ tôi ở trong nhà bác Phượng, không thể có chuyện họ không gặp nhau, thì ba hào hứng kể, biết em Vinh trong nhà lâu rồi, nhưng biết nhất là khi phát hiện ra em Vinh rất đẹp! Thế là con cháu lại cười phá!

Sau này, đọc thư ba mẹ trong những năm 1950-1960 tôi mới biết, ba mẹ có thói quen “ôn lại tình xưa” suốt



những ngày xa cách. Dù đã nên duyên, ba mẹ vẫn sống xa nhau đằng đẳng – khi ba ở Hà Nội, mẹ ở Lạng Sơn, rồi khi ông đi học Liên Xô mấy năm liền. Vì vậy, họ thường viết thư ôn lại kỷ niệm, các giai đoạn được viết thành từng chương, từng phần rõ ràng. Họ coi đó là một “sinh hoạt chung”, một cách để “học cách sống xa nhau” rất thú vị và cũng rất đặc trưng thời chiến.

Thế là tôi nắm năm lòng hành trình ba tán mẹ!

Từ hồi 17 tuổi, ba đã thấy mẹ trong nhà bác Phụng – một cô bé gầy gò nhỏ xíu không có gì đặc biệt. Họ từng ngủ chung nhà, mẹ từng nấu cơm cho ba ăn nhiều lần, cả hai chạm mặt nhau nhiều nhưng chẳng để ý gì đến nhau.

Năm tháng trôi đi nhanh không ngờ, đầu năm 1950, ba đóng quân ở ngay Mậu Lâm (xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc ngày nay). Khi ấy tiểu đoàn trưởng Hoàng Đan mới 22 tuổi, trẻ măng và đã nổi danh khắp vùng. Còn mẹ là cô gái mới lớn, 17 tuổi, cũng đi học bình dân học vụ ở đây.

Một hôm, ba đi qua trường học kháng chiến cùng với quân của mình đúng lúc trường tan học. Trong nhóm nữ sinh ào ra cổng, ông thoáng thấy một “cô học sinh tiểu học” băng ngang qua mình. Cô gái cao lớn nhất hội, mắt sáng long lanh, miệng cười rạng rỡ, tóc mái ngang trước cặp bông lên, tóc phía sau dài đến eo lưng, buộc lại gọn gàng, trông vô cùng xinh đẹp.

Ông giật mình - chính là cô gái ông từng ở chung nhà!

Từ khi thấy nụ cười ấy, ông bắt đầu sống với nỗi nhớ



dịu êm. Sau này trong thư, ông hay “thú nhận” với vợ về lần đầu gặp gỡ:

“Thoáng nhìn qua anh thấy nơi em là một cô học sinh hiền từ, đẹp kín đáo thùy mị. Chưa yêu đâu nhưng thấy có cảm tình nhiều với cô học sinh anh quen từ nhỏ, biết rõ cả đời tư. Lúc đó anh chỉ nghĩ: ai lấy cô này chắc sẽ có hạnh phúc.”

(Thư ba gửi mẹ, 9/10/1955)

Kể từ hôm đó, mỗi lần sang bác Phượng chơi, ba đều gặp mẹ, đều nghe bác Phượng khen “cô em họ hàng” hết lòng. Nhưng hồi đó ba làm sao cũng không chịu nhận là để ý mẹ! Chỉ nghe các bác kể lại là ba đến nhà bác Phượng chơi nhiều hơn hẳn!

“Và sau đó anh đến nhà chị Phượng chơi và gặp em luôn ở đấy. Anh chẳng dám nói chuyện quá khêu gợi chị vì sợ hời kỳ chị Phượng cười, và như em biết, nhìn chị Phượng ca tụng tán dương thêm làm cho anh nghĩ thêm một bước nữa: người có hạnh phúc đó có thể là anh không?”

(Thư ba gửi mẹ, 9/10/1955)

Còn mẹ hồi đó rất quyết tâm tham gia kháng chiến và hoạt động tích cực trong hội phụ nữ. Mẹ kể nhiều người



đặt vấn đề với mẹ, nhưng ai mẹ cũng từ chối với lý do “Vài năm nữa em mới nghĩ đến chuyện có gia đình, vì bây giờ vẫn còn kháng chiến chưa thể lấy chồng vội.”

Một điều nữa là dù rất nhiều người đánh tiếng hỏi mẹ, nhưng không một ai “qua” được cánh cửa vô cùng quan trọng: bác Phượng tôi. Ai muốn đặt vấn đề với mẹ bác đều trả lời là “Vinh không đồng ý đâu”, còn mỗi khi mẹ hỏi ý kiến bác về một “đối tượng” nào định tìm hiểu mình, bác Phượng đều bảo với mẹ là anh này chưa được, anh kia không phù hợp!

Chẳng thế mà dù ba tung hoành suốt những năm 1950-1952, tham gia đánh giặc rồi đi học ở Việt Bắc, mẹ vẫn sinh hoạt ở quê nhà Nghệ An mà không hề gặp “nguy cơ” từ ai.

Cũng thời gian đó, bác Phượng rất hay kể chuyện cho mẹ - người khi ấy bà đã coi như em gái - về “thằng cu Đan”: hồi nhỏ tính tình ra sao, lớn lên thế nào, khi tham gia cách mạng cùng gia đình thì gan dạ mưu trí ra sao, thằng đó khi ở nhà thì cần thận và chăm học lắm...



“Thoáng nhìn qua anh thấy nơi em là một cô học sinh hiền từ, đẹp kín đáo thủy mị... Lúc đó anh chỉ nghĩ: Ai lấy cô này chắc sẽ có hạnh phúc.”



Hình ảnh về một người đàn ông trong lòng cô thiếu nữ dần rõ nét. Nhưng mẹ lúc này dường như chưa có ý định gì hết. Sau này, trong lá thư ôn lại kỷ niệm, mẹ viết:

“Từ năm 1950-1951, sự thật em chưa nghĩ đến anh. Có hai lý do, một là em nghĩ anh đã có người yêu, hai anh còn là bà con nữa. Do đó tuy có cảm tình với anh nhưng em không nghĩ gì đến yêu đương cả.”

(Thư mẹ gửi ba, 18/1/1961)

Vào lúc này, tại chiến khu Việt Bắc, tình yêu trong ba đã bắt đầu. Làm thế nào mà ba biết mình đã yêu mẹ Vinh rồi? Có lẽ là một khoảnh khắc quyết định trong đời sống quân đội.

Trong một lá thư gửi mẹ sau ngày đã là vợ chồng, ông viết:

“Anh thường hay nghĩ về em, có một hôm anh mua một cái bút và khắc vào bút chữ Đ và chữ V. Anh bạn anh hỏi “mày lại yêu cô nào là cô V phải không”, Anh nói “Đâu, mình khắc chữ V là Văn chữ Đ là Đan. Tên mình là Hoàng Văn Đan nên mình khắc thế.”

Anh ấy hỏi vặn lại “Sao thế thì phải khắc chữ V trước chữ Đ chứ?” anh lúng túng và chỉ nói liêu là thợ khắc nhầm.



Thư cho em

Thế là anh quyết định với anh: anh yêu cô Vinh nhiều rồi."

(Thư ba gửi mẹ, 9/10/1955)

Chỉ khi hai cái tên đứng cạnh nhau, ba mới nhận ra mình hình như đã thích người con gái này, mới biết mình cũng có thể cưới "cô Vinh" làm vợ.

Xác định được mục tiêu, ba nhanh chóng hành động. Đầu tiên, ông phát tín hiệu về cho ông nội tôi, nhờ gia đình "xin dâu" cho mình. Ông kể lại với mẹ:

"Anh viết thư cho thầy và anh Khuê, nói anh định hỏi vợ và ra điều kiện nhờ thầy tìm giùm. Điều kiện thế nào thì anh gọi thế nào cho sát cô Vinh nhất! (...)

Chắc em muốn biết anh muốn vợ mình thế nào, anh nói:

- 1. Người không cần đẹp lắm nhưng đừng xấu*
- 2. Khỏe mạnh*
- 3. Có quen lao động, thích lao động*
- 4. Có được học một ít*
- 5. Tính tình hiền hậu*

Anh chỉ nêu thế nhưng muốn ám chỉ cô Vinh mà nghĩ mãi không biết nói thế nào cho rõ, nên anh chỉ dặn thêm thầy nhờ chị Phượng tìm cho dễ, gợi ý thầy và đúng là chỗ nhờ chị Phượng mà lại



nêu như vậy thì nhất định đúng cô Vinh, mà là đúng thật.”

(Thư ba gửi mẹ, ngày 9/10/1955)

Tình yêu đến tự nhiên nhưng không ngẫu nhiên. Xác định rõ mục đích, ba hành động đúng như một người chỉ huy trước khi bước vào trận đánh. Ông phân tích tình hình từ mọi góc độ, tính toán phản ứng của “đối phương”, chuẩn bị về nguồn lực chu đáo, thậm chí tận dụng tối đa “thiên thời, địa lợi” là có sẵn “chân trong” – tóm lại, ông dọn sẵn đường để làm “chồng em Vinh”! Chính ông sau này đã thú nhận với vợ về lý do mình “rất tự tin là em sẽ yêu anh”:

“... Anh vẫn tin nhất định chinh phục được trái tim em vì anh biết em chưa yêu ai. Cái đó chỉ một người như anh lúc đó hỏi vợ mới biết được, những người khác ít có may mắn đó vì anh đã có tay trong đắc lực. Nếu em đã yêu ai thì tất nhiên tay trong của anh phải biết.

Còn em chưa yêu ai thì làm sao em lại không yêu anh? Em nghĩ lại xem sao, có lẽ lúc ấy anh có chủ quan không? Vì anh nghĩ rằng tuổi chúng ta cũng không chênh lệch nhau nhiều. Hai gia đình đều gần gũi nhau. Nhất định xung quanh đều tán thành cả, nhất là mẹ em và em rất thương mẹ nên chắc cũng nghe mẹ một phần. Mẹ em thì anh biết mẹ chắc đồng



ý hoàn toàn vì mẹ cũng hy vọng có một người con
rể gần gũi quen biết và gia đình anh cũng có uy tín
trong những người
quen biết.

Hai là em, em là
phụ nữ cứu quốc,
nhất định cũng cần
có một người chồng
đi kháng chiến và

Tình yêu đến tự nhiên nhưng
không ngẫu nhiên. Xác định
rõ mục đích, ba hành động
đúng như một người chỉ huy
trước khi bước vào trận đánh.

càng kháng chiến tốt càng hay, bộ đội càng tốt. Như
vậy điều kiện chính trị anh chắc ăn rồi.

Còn tình hình hợp nhau, anh cũng chắc ăn vì
em đã biết và em trọng gia đình anh, mọi người đều
tính tình dễ chịu (...) Nhưng còn anh, em chưa biết
rõ mà chỉ nghe thôi và tất nhiên nghe ai lại nghe chị
Phượng thì chị Phượng chẳng gì mà không khen cho
em mình chứ!

Thế là điều kiện ấy anh cũng ăn chắc. Chỉ có một
điều anh còn phân vân là em có tiếng là một cô gái
đẹp... nhưng trong kháng chiến, vấn đề ấy không lớn
lắm, giả như bây giờ anh mới đi hỏi em thì anh còn
dè dặt nhiều hơn."

Đến năm 1953, khi đã biết mình chắc chắn được
"bọc lót", "yểm trợ" cẩn thận từ người nhà, ba viết thư nói
rõ ý định "muốn cưới Vinh" cho ông nội và bác Phượng



biết. Ông nội và bác Phượng đều nhất trí cao với mong muốn của ba.

Cuộc tấn công chính thức bắt đầu!

Đám hỏi liếu lĩnh trước giờ chiến dịch

Năm 1953, cuộc kháng chiến chống Pháp của quân dân Việt Nam bước sang giai đoạn mới.

Bảy năm kháng chiến, từ thế phòng thủ, ta chuyển sang thế tấn công. Tháng 2/1953, chính phủ ta và Chính phủ Kháng chiến Lào quyết định mở chiến dịch Thượng Lào⁽¹⁾ để mở rộng vùng giải phóng, nối liền hoạt động kháng chiến hai nước. Lực lượng lấy từ các đơn vị thuộc đại đoàn chủ lực của Quân đội nhân dân Việt Nam và bộ đội Pathet Lào.

Do tính chất quan trọng của chiến dịch, lại là lần đầu tiên bộ đội chủ lực ta sang tác chiến trên đất bạn, nên đại tướng, tổng tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam Võ Nguyên Giáp được giao nhiệm vụ làm chỉ huy trưởng chiến dịch cùng nhiều cán bộ cao cấp của quân đội ta.

Cùng không khí khẩn trương và bí mật của quân đội hai nước chuẩn bị cho chiến dịch Thượng Lào, tình yêu

1. Chiến dịch Thượng Lào đã tạo ra bước ngoặt mới trong kháng chiến chống Pháp. Thông tin về chiến dịch, bạn đọc có thể tìm hiểu thêm tại:



của ba mẹ cũng có bước phát triển mới: họ chính thức quen nhau!

Đầu năm 1953, ba 25 tuổi, đang tham gia tập huấn ở Việt Bắc, mẹ 19 tuổi, vẫn đang học bổ túc văn hóa tại Mậu Lâm, Nghệ An.

Sau khi viết thư cho ông nội và bác Phượng bày tỏ ý muốn ăn hỏi và cưới mẹ làm vợ (Lúc này mẹ tôi vẫn không hề biết chuyện!), đồng chí Hoàng Đan - tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Lê Lợi, Trung đoàn 66-F304 được điều động tham gia chiến dịch Thượng Lào ở vị trí chỉ huy cánh quân chủ lực.

Từ Việt Bắc, ba về sư đoàn đóng ở Thanh Hóa, sau đó trở về Nghệ An họp khoảng mười ngày, chuẩn bị hội quân cùng các đơn vị khác tiến sang đất Lào.

Đến Đô Lương, Nghệ An, ba được bác Khuê, anh trai ruột của ba, thông báo là gia đình đang chuẩn bị sang nhà bà ngoại tôi đặt vấn đề, giục ba nếu được thì về ăn hỏi rồi đi chiến dịch.

Khi ấy, lệnh của quân đội là hành quân bí mật, nơi đơn vị ba đóng quân cũng là bí mật, ông nội tôi không biết ba đã về Nghệ An.

Làm thế nào để được về quê hỏi vợ bây giờ?

Ba đã có một quyết định rất táo bạo: ông thuyết phục chính ủy trung đoàn cho phép mình rời đơn vị một ngày để về hỏi vợ!

Phải biết là thời chiến, việc rời khỏi vị trí chiến đấu



vì bất cứ lý do gì cũng phải được lãnh đạo Đảng - chính trị viên, chính ủy quyết định. Khi tham gia trận đánh quan trọng, nhất là trong giai đoạn chuẩn bị bí mật như chiến dịch Thượng Lào, không ai được phép rời khỏi đội ngũ, đặc biệt là ở vị trí chỉ huy như ba khi ấy. Vì vậy, việc xin về hỏi vợ là một hành động rất liều lĩnh và ba có thể đối diện với nguy cơ bị kỷ luật nặng. Chính chỉ huy của ba cũng rất liều lĩnh khi đồng ý cho ông rời đơn vị vào lúc đó. Chưa kể là ba hoàn toàn không biết đường, trên đường về có khả năng gặp địch, cướp bóc, thú dữ, bởi Đô Lương thuở ấy vẫn là một vùng bán sơn địa hoang sơ...

Không biết ba nói chuyện với cấp trên ra sao, ông đã nhận được cái gật đầu của lãnh đạo trung đoàn. Ông được phép rời đơn vị về quê với điều kiện một đêm duy nhất, từ chiều tối đi thẳng một mạch về quê và sáu giờ sáng hôm sau phải có mặt tại đơn vị.

Hành động khuất mắt trông coi của cấp trên được ông nhắc mãi, bởi chính ủy cũng đang “đánh cược” một ván vào ông.

Đêm tối mù mịt và những bất trắc của chiến tranh không ngăn được bước chân người lính khát khao tìm hạnh phúc. Ngay từ chiều ngày 23/3/1953, ba đã nhờ báo vụ⁽¹⁾ của mình cấp tốc báo tin cho ông nội và bác Khuê lên ngay nhà bà ngoại, ba sẽ gặp mọi người ở đó.

1. Nhân viên liên lạc, truyền thông tin giữa các cấp trong quân đội.



Chạng vạng, không một lẽ vật gì, ông hăm hở lên xe. Một mình một xe đạp ông vượt năm mươi cây số trong đêm từ Đô Lương về Cửa Hội ăn hỏi mẹ.

Ba đạp xe một mạch bốn năm tiếng đồng hồ, thẳng về đến nhà bà ngoại tôi, lúc ấy đã hơn chín giờ tối. Biết bao nhiêu hăm hở, mong chờ suốt những ngày qua và suốt quãng đường gập ghềnh trong đêm tối. Đáp lại chàng trai trẻ là một không khí im lìm. Trong nhà chỉ có bà ngoại và em trai mẹ Vinh. Không thấy thầy, bác Phượng và anh Khuê. Và nhất là...

... không thấy cô An Vinh đâu cả.

Ba ngồi chờ, lòng như lửa đốt. Mãi sau thì ông nội tôi lên. Nhưng mẹ An Vinh vẫn chẳng thấy tăm hơi. Quý thời gian cứ cạn dần. Gần một giờ đêm, ba sẽ buộc phải quay về đơn vị.

Tám năm sau, trong bức thư ôn lại kỷ niệm xưa với vợ, sự hồi hộp còn nguyên trong câu chữ ông:

"Tháng 3/1953, em có nhớ rõ ai đi chiến dịch Thượng Lào phải tuyệt đối giữ bí mật không? Nhưng một đêm tối trời anh đã đánh bạo đi năm mươi cây về để gặp em một tiếng để rồi lại ra đi vào một giờ sáng.

Trên đường về anh hy vọng sẽ thấy em ngay và anh chắc chắn thầy cũng đã có mặt ở đó rồi.

Nhưng chín giờ tối về đến nhà, thầy cũng không thấy, em cũng không thấy. Anh định chờ một giờ rồi



sẽ đi ngay nên nói với bác Thúc là đi công tác tạm qua. Chao ôi buồn quá nhưng biết làm sao, nhất định là sáu giờ sáng mai đã phải có mặt ở đơn vị rồi.

Đi tìm một bức ảnh của em trong nhà cũng không... Anh đương chán nản thì thầy lên vì anh đã viết thư cho thầy biết trước đêm ấy anh về gặp em và chỉ vì đêm ấy thôi. Gặp thầy là anh định đi tìm em ngay, thầy cũng đồng ý, chỉ bác Thúc ngại không tìm được.”
(Thư ba gửi mẹ, năm 1961)

Ba kể lại, không khí trong nhà bà ngoại khi ấy rất căng thẳng, nhất là ba – không chỉ vì mình “trốn đơn vị về nhà”, mà còn vì cô gái mình yêu, người “vợ” mình mơ khi ấy chưa hề nhận được thông tin nào về cuộc gặp gỡ này, hoàn toàn không biết điều gì sắp xảy ra.

Quan trọng hơn là thời gian sắp hết! Đã nhờ người đi tìm, nhưng không biết có kịp hay không. Tới mười hai giờ mà cô An Vinh chưa về, thì dầu thế

Đêm tối mù mịt và những bất trắc của chiến tranh không ngăn được bước chân người lính khát khao tìm hạnh phúc.

nào ba cũng không thể hỏi vợ được! Ba sẽ phải trở lại đơn vị “tay trắng” cùng một tâm hồn đau khổ.

Mười một giờ hơn, ba đã chuẩn bị tinh thần quay xe về đơn vị.

Gần mười hai giờ, mẹ về.



Cô gái trẻ buổi sáng đi họp phụ nữ trên huyện, buổi tối ở lại sinh hoạt cùng chị em, không ý thức được giờ phút quan trọng trong đời mình sắp đến. Tối đến, mẹ ngủ lại ở trụ sở, khi có người nhà đến báo “Về ngay, mẹ bệnh nặng” cô An Vinh hốt hoảng đi về, suốt dọc đường lo lắng không thôi.

Về đến nhà, vào trong nhà, thấy rất đông người, và “anh Đan” ở giữa nhà rồi, cô An Vinh vẫn không hề nghĩ chồng tương lai của mình đang ngồi trước mặt.

Trái với sự lúng túng của đôi trẻ – nhất là mẹ khi ấy, người lớn trong nhà rất hoan hỉ. Khi thấy con cái đã đông đủ, bà ngoại và ông nội ngồi xuống nói chuyện, bác Khuê và bác Phượng thì cất cử người đi nấu cháo gà, nấu thật nhanh vì “thằng bé Đan” đến một giờ đêm lại phải đi rồi!

Khi ấy mẹ mới vỡ lẽ – hóa ra không phải mẹ mình bị ốm, mà là nhà anh Đan đến ăn hỏi mình! Cô gái trẻ bỗng thấy ngượng ngùng quá thể, và thầm trách anh Đan không báo cho biết trước.

Thế là trong hơn một giờ, mọi người lo bữa ăn đêm và hỏi thăm tình hình của nhau, kỳ lạ là không thấy hai gia đình trao đổi gì về chuyện ba mẹ cả. Đôi trẻ cũng hỏi thăm nhau vài ba câu, chưa hề nói một câu nào gọi là thổ lộ tình yêu. Giữa đám đông họ chỉ nhìn nhau qua ánh nến bập bùng, không được nắm tay nhau và cũng chẳng có lúc nào riêng tư nói chuyện. Nhưng mẹ không phản đối thì tức là đồng ý. “Ăn thì có ăn cháo gà. Hỏi thì không ai hỏi gì cả,” – ba bảo vậy.



Cứ như vậy, họ đã thành đôi. Tình yêu thời chiến giản đơn như thế.

Người lính chỉ một giờ trước còn căng thẳng, nay phấn khởi quay về đơn vị chuẩn bị cho cuộc hành quân lớn nhất kể từ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp.

Hôm đó là ngày 24/3/1953. Đó cũng là ngày ba gửi cho mẹ bức thư đầu tiên, bức thư viết vội trước lúc vào chiến dịch, khởi đầu cho mối tình năm mươi năm của họ.

"Vinh em,

Muốn viết thư cho em nhưng thực tình cũng không biết nói gì thêm với em. Ái tình anh đối với em, ái tình xây dựng trên lý trí và tình cảm, một tấm tình không những bao gồm tấm tình nam nữ mà cả tấm tình thương yêu giai cấp nữa. Tấm tình đó có thể nói là nồng nhiệt và cao cả. Tất cả cái đó anh đã nói với em và như em đã nói, em đồng ý và đồng cảm với anh trên những điểm đó.

Riêng anh, anh biết em đã hiểu anh một phần, nhất là những điểm căn bản. Anh không nói gì hơn, anh chỉ mong em xây dựng tình yêu với anh như em đã nói với anh, không chen lẫn những quan niệm ích kỷ lạc hậu của thời xưa mà là một tình yêu của những con người mới, tình yêu cá nhân kết hợp trong tình yêu lý tưởng.

Thực thế em Vinh ạ, chỉ có những người cùng



chung một lý tưởng cao cả mới yêu nhau, thương nhau trong điều kiện và hoàn cảnh như anh và em hiện tại được.

Không có một quan niệm đúng, anh không thể có tình yêu không chút ngần ngại với em được. Anh đã hiểu vì lẽ gì anh yêu em, do đó anh vinh hạnh sung sướng được yêu em, con người của dân tộc, của giai cấp hay nói cách khác, con người phục vụ cho độc lập dân tộc và dân chủ nhân dân.

Và chắc em cũng thế nếu không xây dựng tình yêu đúng đắn thì em không thể thấy vinh dự trong xây dựng tình yêu đối với anh được.

Em Vinh, chúng ta yêu nhau, chúng ta tin tưởng ở tương lai chúng ta, chúng ta tích cực công tác hiện tại, đó là cái ý nguyện của anh và chắc cũng là ý nguyện của em.

Em Vinh, ngày gặp lại anh không định trước được. Chúng ta sẽ tìm hiểu nhau trên thư từ trong lòng chân thành đối với nhau phải không em.

Em Vinh, lẽ tất nhiên lúc đặt vấn đề ái tình anh cũng đã nghĩ tới hôn nhân và tới việc xây dựng hạnh phúc cho anh và em. Nhưng lâu nay chưa tiện nói vì lúc nào chúng ta rất hiểu nhau rồi thì chúng ta sẽ bàn cũng không muộn.

Điều cốt yếu là em luôn luôn học hành tiến bộ, phát triển kiến thức của mình là đủ rồi. Vì trong



điều kiện nào sự hiểu biết của chúng ta càng rộng thì khả năng hiệu suất công tác chúng ta lại càng nhiều.

Thôi bức thư đầu tiên để em hiểu thêm về anh. Chúc em vui khỏe. Nhờ em chuyển lời chúc sức khỏe của anh với gia đình em.

Mong thư em

Thân,

Đan

*Tái bút: Em gửi thư cho anh thì đề: Hoàng Đan.
Tiểu đoàn Lê Lợi. Trung đoàn 66-F304."*

(Thư ba gửi mẹ, 24/3/1953)

Về sau, con cháu tôi xem phim *Hậu duệ mặt trời*, có đoạn nhân vật đại úy Yoo và đồng đội được thủ trưởng "cho phép" rời khỏi đơn vị đi giải cứu người yêu - một dạng phá quân luật, chúng nó ồ lên vì tình huống này giống hệt chuyện ông nội khi xưa.

Chiến dịch Thượng Lào diễn ra từ 13/4 đến 18/5/1953. Chỉ trong hơn một tháng, bộ đội ta đã giải phóng hai tỉnh Sầm Nưa, Xiêng Khoảng vùng Thượng Lào, nối liền với vùng tự do của Việt Nam. Là đơn vị chủ lực tấn công, sau khi thắng lợi, cánh quân của ba nhanh chóng trở về Việt Nam. Vậy là hơn một tháng sau bữa ăn hỏi lịch sử đó, ngày 6/5, ba đã có mặt tại Nghệ An và về nhà bà ngoại



Thư cho em

thăm mẹ. Họ đã dành cả đêm để tâm sự với nhau.

Đêm đó, họ hôn nhau lần đầu.

Hắn ba vô cùng xúc động và nhớ mãi phút giây ấy, vì gần như năm nào ông cũng viết thư ôn lại kỷ niệm này với mẹ:

“Thế là sau đó 6/5/1953 anh lại gặp em và hôm sau hai đứa mình cùng đi xuống mẹ. Rõ ràng lúc đi xuống mẹ đã giống đứt đôi vợ chồng rồi, ai mà chả bảo thế, em còn nhớ không, lúc đi qua Lập Thạch gặp anh con bác Trị, anh ấy làm luôn một câu, chồng Vinh phải không. Anh thích quá nhưng chắc em có lúng túng.”

(Thư ba gửi mẹ, 10/12/1960)

Ba luôn nhắc ngày 6/5 như một kỷ niệm thiêng liêng: ngày họ chính thức yêu nhau, cũng là cột mốc quan trọng của đời ông. Trong thư gửi mẹ một năm sau ngày kết hôn – vào năm 1955, ba viết:

“Cái hôn đầu tiên anh đặt lên môi em hôm ấy... có lẽ ngày ấy cũng đánh dấu quan hệ của chúng ta qua một bước mới phải không em? Sau đó hai hôm anh lên Mậu Lâm và chia tay em đi học. Cái buổi sáng em dậy nấu cơm cho anh ăn và hai chúng ta nói chuyện hứa hẹn với nhau. Chắc em giận anh: ‘Anh đi làm tròn nhiệm vụ là đủ rồi, em sẽ vĩnh viễn yêu anh mặc dầu



có xa cách hay anh có thương tật đi nữa em cũng một lòng yêu anh.' Anh nhớ vậy, mà anh cũng tin như vậy."

(Thư ba gửi mẹ, 28/05/1955)

"Buổi sáng ở Mậu Lâm em tiễn biệt anh lên đường đi học rồi đi chiến dịch Điện Biên, chúng ta đã hôn nhau rất nhiều, rất lâu nhưng kỷ niệm sâu sắc hơn lại là những lời tâm sự của chúng ta. Chúng ta hứa trong hoàn cảnh nào cũng sẽ yêu nhau và sẽ yêu nhau mãi mãi. Chúng ta đã làm được như vậy. Chỉ có một hoàn cảnh chắc em và anh đều nghĩ nhưng chúng ta không ai nói ra là anh có thể không trở về sau chiến dịch nữa và vĩnh viễn xa em. Kể cũng thật khỉnh khiếp nhưng lúc đó nhiệm vụ anh cũng xem là thường tình như trăm ngàn người bạn khác đã ngã xuống."

(Thư ba gửi mẹ, 24/7/1963)

Mười năm sau khi ở Liên Xô học, vẫn là ba sôi nổi nồng nàn và coi người bạn đời của mình không khác ngày xưa nhiều, vẫn còn "bé lắm", "như con chim non":

"Kể từ khi chúng ta đặt vấn đề chính thức với nhau, nghĩa là đã thành vợ chồng chưa cưới, lúc đó em 20 tuổi và anh 25 tuổi em nhỉ. Từ đó đến nay đã hơn mười năm nhưng anh vẫn cứ cảm tưởng như



Thư cho em

mới ngày nào đó. Kể từ cái hôn anh hôn em đầu tiên hôn chúng ta về thăm mẹ, anh vẫn còn nhớ như mới ngày nào gần đây.

Có lẽ thời gian thì đã lâu rồi nhưng trong ý nghĩ của anh, tất cả những cảm tưởng như mới gần đây. Lúc nào anh cũng cảm thấy em của anh bé bỏng như những ngày anh mới yêu em.

Tại sao em nhỉ? Em có nghĩ như anh không?"

(Thư ba gửi mẹ, 16/12/1963)

Cuộc gặp mặt nồng nhưng ngắn ngủi. Hai hôm sau, ba đưa mẹ trở lại Mậu Lâm học bồi dưỡng nghiệp vụ thuế. Ba có xe đạp, nhưng vì hai người chưa cưới, muốn giữ ý cho mẹ, ba và mẹ đã cùng nhau đi bộ hơn ba mươi cây số xuyên đêm. Tiễn mẹ tới cơ quan, ba mới ngược về đơn vị.

Tôi cứ nghĩ mãi về nụ hôn kỳ lạ đó. Không biết có phải ba quyết tâm thắng bằng được Thượng Lào mới về hôn mẹ?

Tôi không biết.

Tôi chỉ biết là, trong sự vô tình của bom đạn, sự khốc liệt của chiến tranh và tương lai bất trắc, họ chọn yêu nhau, cùng nhau thực hiện sứ mệnh giải phóng dân tộc, cùng nhau tin tưởng vào khát vọng hòa bình, vào hạnh phúc và tương lai.

Tuy vậy, có một điểm tôi vẫn luôn thắc mắc: có thật



sự là, trong toàn bộ quãng thời gian đó, mẹ là người “thụ động” hoàn toàn trong mối quan hệ này không? Có phải chỉ một mình ba muốn cưới mẹ, và mẹ đồng ý yêu ba rồi cưới ba chỉ vì bác Phượng và gia đình mai mối sắp đặt không?

Sau này, năm 1961, khi đi du học Liên Xô, ba viết thư gắng hỏi mẹ ngày ấy đã yêu ba chưa, hay người lớn quyết thì cứ thế theo thôi. Ba vẫn hay hỏi lại chuyện cũ, có thắc mắc nào hoặc điều gì chưa thông suốt, ông đều viết thư cho vợ. Tôi hiểu ba rất hiện đại, ba khao khát một tình yêu đến từ hai phía.

Cô An Vinh năm nào – lúc ấy đã là mẹ của hai con, viết thư cho chồng:

“Có nhiều người đặt vấn đề với em, nhưng em cứ trả lời vài năm nữa hay bây giờ còn kháng chiến chưa lấy chồng vội. Hồi ấy ở Tâm Thái họ nói “kiêu” nhưng em nghĩ không phải vì ít ra người chồng của mình là mình có cảm tình với họ, khi ấy mới yêu được, nhưng em chỉ thấy em ghét họ mà không có chút tình cảm gì cả...”

Từ năm 1950-1951, sự thật em chưa nghĩ đến anh. Có hai lý do, một là em nghĩ anh đã có người yêu, hai là còn bà con nữa. Do đó tuy có cảm tình với anh nhưng không nghĩ gì đến chuyện yêu đương cả, nhưng ai nói chuyện anh là em xấu hổ, không hiểu vì sao. Tuy vậy phụ nữ có lẽ không chủ động được... Em yêu mà không dám nói.



Năm 1952, chị Phượng hay nói chuyện anh với em, em chỉ nghe nhưng tránh đi nơi khác, lúc này em thấy yêu anh nhiều hơn.

Mỗi khi đi họp phụ nữ huyện, trước em hay vào nhà anh, nhưng lúc này thì em không vào nữa.

Những người khác đến hỏi em chối từ rất dứt khoát, nói là chưa có ý nghĩ lấy chồng, nhưng sự thật là do yêu anh nhiều nên không nghĩ đến người nào khác nữa."

"Những người khác đến hỏi em chối từ rất dứt khoát, nói là chưa có ý nghĩ lấy chồng, nhưng sự thật là do yêu anh nhiều nên không nghĩ đến người nào khác nữa."

Vậy là đã rõ.

Vào tuổi trăng rằm, mẹ đã bắt đầu yêu ba, và sau này lấy được "người trong mộng" của mình – người đàn ông tài giỏi nổi tiếng của Nghệ Tĩnh thời ấy, cũng là người đàn ông đầu tiên và duy nhất trong đời mẹ.

Dĩ nhiên, hành trình từ người yêu thành chồng "cô An Vinh" của ba Đan không dễ dàng. Nhưng chắc chắn, không một người đàn ông nào có thể tiến tới với một người phụ nữ, nếu họ không được đối phương "bật đèn xanh" cho phép.



Đi về tận cái cuối hồ yên lả lơi như
vài sợi mây trắng nhẹ trôi cho anh
và em. Những lần này chia tay nơi
đâu nào chúng ta đã buồn nhau rồi
thì chúng ta sẽ buồn cùng ở một
địa chỉ yên lả lơi như trước kia
từng là nơi gặp gỡ của anh và em
đâu rồi. Vì vậy anh biết anh sẽ buồn
bất cứ lúc nào chúng ta cùng ở
nơi này anh biết rồi tại chúng ta lại cùng
nhau.

Thật buồn thế này anh đi em
hãy nhớ anh. Chúc em vui.

Nhà em đẹp lắm anh biết
khi anh về anh sẽ đi anh.
Mong thế em.

Thân

Jun

Em gửi thư cho anh thư số

H9 - Jun

Tên anh là... Trung đoàn 66 - P. 304

"Chúng ta yêu nhau, chúng ta tin tưởng ở tương lai chúng ta, chúng ta
tích cực công tác. Hiện tại, đó là ý nguyện của anh và chắc cũng là ý
nguyện của em." 3/1953.



THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ, NGƯỜI LÍNH VỀ CƯỚI VỢ

Những cánh thư bay

Sau lễ ăn hỏi chóng vánh, mẹ tiếp tục học bổ túc văn hóa và nghiệp vụ thuế ở Nghệ An. Năm 1954 đánh dấu cột mốc lớn trong đời mẹ: vì tham gia hoạt động phụ nữ xuất sắc, mẹ được cử lên Thái Nguyên học cao hơn. Từ thân phận một người ở, mẹ đang đứng trước cơ hội đổi đời rất lớn khi có thể trở thành một cán bộ của cách mạng, một con người của chế độ mới. Trong khi đó, sau một thời gian chiến đấu ở quê, ba được điều ra Việt Bắc bổ sung lực lượng, chuẩn bị cho chiến dịch Điện Biên Phủ.

Vì vậy, toàn bộ yêu thương của hai người giai đoạn 1953-1954 được vun đắp chỉ nhờ những cánh thư bay.

Ngay khi bắt đầu, ba đã cùng mẹ xác định rõ quan điểm về tình yêu trong chiến tranh: tình yêu gắn liền với sứ mệnh giải phóng dân tộc, cùng nhau chiến đấu, cùng



nhau cố gắng, cùng nhau học tập, cùng nhau hiểu và sẻ chia tính cách, tâm tình. Như trong lá thư đầu tiên ba viết: *“Không có một quan niệm đúng, anh không thể có tình yêu không chút ngần ngại với em được. Anh đã hiểu vì lẽ gì anh yêu em, do đó anh vinh hạnh sung sướng được yêu em, con người của dân tộc, của giai cấp hay nói cái khác, con người phục vụ cho độc lập dân tộc và dân chủ nhân dân.”*

Tinh thần lạc quan cách mạng là một trong những tính cách nổi bật của ba tôi trong suốt những năm tháng chiến tranh. Chiến tranh khó nói thắng thua, khó bàn sống chết khi tên bay đạn lạc. Nhưng kỳ lạ là ông chưa bao giờ nói đến chuyện hy sinh. Ông luôn hẹn sẽ về bên mẹ. Sau này, dù có lần về nhà trong tình trạng suy kiệt, nhưng ông chưa bao giờ thất hứa với mẹ.

Tinh thần ấy giúp ba vượt qua nhiều gian khổ, tiến xa trong binh nghiệp của mình. Ông mang tinh thần ấy trong suốt cuộc đời chiến đấu, đi từ Thượng Lào 1953 tới Điện Biên Phủ 1954, từ Tổng tiến công xuân Mậu Thân 1968 tới thành cổ Quảng Trị mùa hè 1972, từ trận Thượng Đức 1974 tới dinh Độc Lập trong mùa xuân đại thắng 1975, tới chiến tranh biên giới phía Bắc 1979...

Còn mẹ, mẹ đã không chỉ cùng ba đi bộ hơn ba mươi cây số trong đêm hôm nào mới chớm yêu đương. Mẹ đã đi cùng ba suốt ba cuộc kháng chiến của dân tộc, bằng tình yêu, sự kiên nhẫn, tình thương, vun vén chu toàn và những đứa con.



Thư cho em

Nhưng trước khi qua hành trình ấy, hãy quay lại với người chỉ huy 25 tuổi vào mùa hạ 1953. Tiền mẹ đi Mậu Lâm học xong, khi trở về đơn vị, ba tiếp thư báo tin, khẳng định tình cảm và sự tin tưởng của mình vào tình yêu hai người:

“Vinh em,

Anh đã ra đến nơi, dọc đường khỏe mạnh không gặp bất trắc gì. Ra sớm được năm hôm.

Em Vinh, trong những ngày gần em anh đã nói chuyện với em nhiều. Chúng ta cũng đã hiểu nhau nhiều và do sự hiểu nhau đó, tình yêu của chúng ta cũng mặn nồng thêm.

Thời gian tìm hiểu tuy ngắn ngủi, nhưng nhờ sự chân thành với nhau chúng ta đã cảm thông nhau, đã hiểu rõ mọi ý nghĩ của nhau. Chúng ta đã hoàn toàn thống nhất nhau trên quan niệm về tình yêu, trên xây dựng hiện tại và tương lai. Có lẽ đó là cái đẹp đẹp nhất của tình yêu em nhỉ.

Trong những ngày xa nhau, trong những lúc gặp những khó khăn, bao giờ chúng ta cũng nhớ rằng với tình yêu của anh đối với em và tình yêu em đối với anh là nguồn an ủi mạnh mẽ nhất, làm chúng ta tin tưởng vững chắc ở tình yêu đối với nhau. Tình yêu của chúng ta bao giờ em cũng tin tưởng không có gì lay chuyển vì anh yêu em cũng như em yêu anh là do



sự tìm hiểu nhau, biết nhau, thống nhất quan niệm, tư tưởng với nhau rồi yêu nhau.

Chúng ta có thể hãnh diện tự hào về tình yêu đó em nhỉ."

(Thư ba gửi mẹ, 27/5/1953)

Sau thư này, vì một vài lý do, họ mất liên lạc với nhau bấy tháng. Chiến tranh mà, chẳng thể trách hờn.

Trong những lúc gian khổ nhất, ba đã xác định mình tham gia chiến đấu không chỉ vì hạnh phúc dân tộc, mà còn chiến đấu cho hạnh phúc của người vợ trẻ, sau này là những đứa con, cho gia đình và cả một thế hệ con - cháu mình.

Còn mẹ, mẹ vẫn nhẫn nại đợi ba.

Người đàn ông đạp xe 1300 cây số cưới vợ

Ngày 6/12/1953, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch tiến công tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, nhằm giải phóng toàn bộ Tây Bắc, tạo ra sự chuyển biến mới trong cục diện chiến tranh và tạo điều kiện cho nước bạn Lào giải phóng Thượng Lào.

Chỉ huy trưởng kiêm bí thư Đảng ủy mặt trận là đại tướng Võ Nguyên Giáp. Khi đó, ba tôi là trung đoàn phó Trung đoàn 57, thuộc Đại đoàn 304. Trung đoàn



của ba được giao nhiệm vụ bao vây, diệt địch ở phân khu Hồng Cúm, chi viện hỏa lực cho bộ đội ta tiến công trên hướng chính. Ngày 7/5/1954, chiến dịch thắng lợi vang dội.⁽¹⁾

Chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy đã buộc chính phủ Pháp phải ký Hiệp định Genève⁽²⁾, chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương. Từ đây ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia trở thành quốc gia độc lập, chế độ thực dân Pháp tại Đông Dương chính thức bị bãi bỏ. Chiến thắng này đã mở ra trang mới cho cách mạng Việt Nam, như lời Bác Hồ nói: “Chiến thắng Điện Biên Phủ là thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta, cũng là thắng lợi chung của tất cả các dân tộc bị áp bức toàn thế giới.”

Trong niềm vui chung của cả nước khi ấy, có niềm vui của riêng ba là “thắng trận về lấy vợ”. Chiến tranh khó lường, người lính chiến thắng nhiều khi không lành lặn trở về, nhưng ba luôn lạc quan vào cuộc khải hoàn và sự “nguyên vẹn” để về quê cưới mẹ.

Một người đàn ông thời chiến, để cưới được người mình yêu làm vợ, có thể thực hiện những hành động không tưởng đến thế nào?

Mỗi khi nghĩ về hành trình cưới vợ ly kỳ của ba, tôi lại

1. Để biết thêm thông tin về chiến dịch Điện Biên Phủ, xin mời xem phim tài liệu do Truyền hình Nhân dân sản xuất:

2. Hiệp định Genève ký ngày 20/7/1954 tại Thụy Sĩ.



cảm thấy ngỡ ngàng và thán phục. Nó ly kỳ hơn rất nhiều những mối tình trong văn chương tiểu thuyết mà chúng ta từng đọc.

Để cưới được người mình yêu và nhớ thương suốt những ngày chiến trận, dù không hề biết người ấy ở đâu, ba chỉ với một xe đạp, một ba lô, một tấm giấy giới thiệu, đã đạp liên tục cả tuần, từ nơi này qua nơi khác, từ miền xuôi đến miền ngược, tổng cộng 1300 cây số, cho đến khi nào tìm thấy được vợ mình mới thôi!

Cho dễ hình dung, 1300 cây số tương đương với quãng đường từ Hà Nội tới Nha Trang. Trung bình một ngày ba đạp 180 cây số. Tốc độ đạp xe trung bình của một người là khoảng 15 cây số một giờ, như vậy mỗi ngày ba phải đạp xe liên tục 12 tiếng. Lúc ấy đã được đạp xe ban ngày, nhưng đường sá tồi tệ mà phần lớn là đường núi, chỗ ăn nghỉ lại khó lường, đủ biết hành trình cưới được vợ của ba tôi vất vả ra sao!

Như tôi đã kể, suốt mùa đông 1953 và chiến dịch Điện Biên 1954, ba mẹ bật tin nhau. Không một lá thư nào từ ba được mẹ hồi âm.

Về sau ba đi chiến dịch về mới biết, hóa ra thư gửi nhầm địa chỉ! Mẹ đi học ở Mậu Lâm, rồi được cử lên Lạng Sơn công tác, mà ba vẫn gửi thư về Cửa Hội, nên cả năm trời, thư vẫn nằm yên ở nhà. Những lá thư ấy mang nỗi nhớ nhung của ba dành cho người con gái mình yêu và niềm khao khát được cưới mẹ:



Thư cho em

“Hoàn cảnh anh thì một năm anh có thể về nhà độ mười lăm ngày và trong những ngày ấy chúng ta có thể làm lễ thành hôn được. Nhưng còn hoàn cảnh của em?”

Hoàn cảnh em anh không rõ. Nếu em ở Nghệ An hay Thanh Hóa thì anh cũng đến tìm gặp em được. Còn ở nơi khác thì cũng khó. Nhưng thôi em muốn nhiệm vụ trên hết cái đó tùy em. Anh cũng muốn hoàn cảnh làm thế nào cho thuận lợi hơn nhưng không hại đến công việc phục vụ của em. Nên anh chỉ kết nối với em, cốt làm sao kết hợp được quyền lợi chung và quyền lợi riêng.

Nếu kết hợp được thì tốt, nếu không kết hợp được thì em để nhiệm vụ chung lên trên là được.”

(Thư ba gửi mẹ, 5/7/1954)

Thế thôi, còn không rõ mẹ hồi âm thế nào, cũng không biết mẹ ở đâu, nhưng ba đã nóng ruột muốn lấy vợ lắm rồi!

Nôn nóng lập gia đình, ngay sau trận Điện Biên Phủ, ba xin đơn vị cho về quê lấy vợ. Cấp trên của ông khi ấy là tướng Hoàng Minh Thảo - đại đoàn trưởng Đại đoàn 304, đã cấp cho một tờ giấy gửi địa phương ghi rất sảng khoái và đàng hoàng: “Giới thiệu đồng chí Hoàng Đan về quê lấy vợ”! Lần này không phải “vượt rào” nữa, cũng không căng thẳng quá về thời gian, vì lập nhiều chiến công nên



Vinh.

Vui mừng báo tin Vinh
biết anh vừa chiến thắng
ở Điện Biên Phủ về -
Sài Gòn vẫn thường từ
ngày đi chiến dịch tới nay
< (7 tháng) không được tin gì
ở nhà cả.
Cháu Việt Nam luôn chờ
cho anh biết tin nay
Vinh ở đâu ?

25
5-54

Anh

Jan

Cháu viết thư về ngày
hai tuần trước khi đi

"Vui mừng báo tin Vinh biết anh vừa chiến thắng ở Điện Biên Phủ về."

Một lá thư ba viết cho mẹ năm 1954, ngay sau chiến dịch Điện Biên
Phủ, báo tin thắng trận và hỏi mẹ ở đâu để về "xin cưới".



ông có thể đi mười lăm đến hai mươi ngày.

Nhưng mà biết “em Vinh của anh” khi ấy ở đâu mà cưới? Ba tôi không biết! Cả mấy tháng có nhận được tin “em Vinh” đâu!

Quyết tâm cưới vợ hùng hực, ông khoác ba lô trên vai, một người một xe, phăm phăm đạp thẳng hơn sáu trăm cây số từ Điện Biên Phủ về đến Nghệ An. Đường của ta hồi xưa chắc chắn kinh khủng, lại vương nhiều vùng có địch, nhưng ba vượt qua hết. Các phượt thủ rần rỏi nhất bây giờ nghĩ đến hành trình này chắc cũng phải ngả đầu thán phục!

Về đến Cửa Hội, hỏi tin ông mới biết mẹ đã được cơ quan cử ra Thái Nguyên học ngành thuế vụ. Tôi đã không hình dung nổi ông thất vọng đến thế nào.

Ba lại hùng hực đạp xe gần bốn trăm cây số từ Nghệ An ngược lên, vòng qua Hòa Bình, để tới Thái Nguyên. Đến Thái Nguyên, ba lại hay tin mẹ đã tốt nghiệp, được cơ sở cử lên Lạng Sơn công tác.

Đau khổ quá! Đạp xe bao nhiêu cây số, vượt nhiều cung đường và hiểm nguy thời chiến, mà người yêu lại không thấy mặt! Chiến tranh liên miên, nếu không gặp được em Vinh thì hôn sự phải đợi đến năm sau, thậm chí năm sau nữa, ai mà biết được!

Sau này, trong bức thư ôn lại kỷ niệm xưa giữa hai người, ba vẫn không quên được cảm giác khổ sở tận cùng hồi ấy. Mặc dù từng xác định tinh thần “để nhiệm vụ



chung lên trên” giữa hai người, nhưng lúc này con tim yêu đương tuyệt vọng đòi cất tiếng. Ông trút “hòn” lên mẹ:

“Thôi thế là hết bao nhiêu mộng đẹp của năm 1954, năm hai sáu tuổi thế là tiêu tan, đành chờ đến năm sau vậy. Nghĩa là đành để qua một chiến dịch nữa. Lúc này anh đương oán trách em. Anh cho em (...) ⁽¹⁾ ở Thái Nguyên mới mong gặp nhau, sao lại đi Lạng Sơn. Nếu ở Lạng Sơn thì năm 1955 đánh chiến dịch cũng chẳng đi cưới được - thời gian đâu bỏ ra hàng tháng mà đi. Trời ơi cô ấy yêu mình thì sao không ở lại Thái Nguyên.”

Không cưới được vợ, ông đi họp tổng kết chiến dịch ở Việt Bắc mà lòng nhấp nhồm không yên. Không một tin tức nào từ quê nhà.

Lúc ấy không khí trên bàn đàm phán tại Hội nghị Genève đang diễn ra vô cùng căng thẳng. Nếu như Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không giành được lợi thế để yêu cầu Pháp công nhận độc lập chủ quyền và rút khỏi lãnh thổ Việt Nam, thì cuộc kháng chiến chống Pháp sẽ còn tiếp tục, và ba sẽ lập tức phải quay trở lại chiến đấu. Nhưng may sao, Hiệp định Genève được ký kết, Việt Nam và Pháp đình chiến. Ý định cưới vợ đã tắt nay lại bùng trở lại. Ba ngay lập

1. Thư gốc bị hỏng một đoạn.



tức hỏi thăm đường đi Lạng Sơn. Đồng đội ông bảo: từ đây chỉ đạp xe hai ngày thôi là đến Lạng Sơn rồi, đường đi xe đạp được cả, có dốc nhưng dốc thấp, vẫn đi tốt!

Thế là ba sửa chữa xe đạp, lại băng mình thêm mấy trăm cây số lên Lạng Sơn. Đói thì ăn cơm dĩa chiến ven đường, khát thì xuống suối uống nước, tối mệt thì tìm gốc cây ngủ tránh thú dữ. Ông vượt qua đèo qua suối, vượt bến nước Bình Ca, bằng mọi giá tìm đến nơi mẹ công tác.

Sau ba ngày sà sã, ba tới Lạng Sơn. Kỳ Lừa tấp nập vui vẻ sau ngày đình chiến nhưng ba không có tâm trạng nào để ngắm. Ông vào ngay trạm thuế thị xã Kỳ Lừa hỏi thăm tin em An Vinh. Cuối cùng ba cũng tìm thấy mẹ!

Đó là một ngày đầu tháng 8/1954.

Vậy là biết mẹ chắc chắn đang ở đây rồi, nhưng ba không ngay lập tức lao đến gặp mẹ. Vốn nổi tiếng là đẹp trai và lịch lãm, ba rất khoan thai thực hiện “công tác tu bổ hình ảnh” trước khi gặp người yêu:

“Vừa bước chân đến Lạng Sơn, anh vào ngay trạm thuế bên thị xã và hỏi thăm em. Họ trả lời là có em ở đây.

Thế là anh chắc em không chạy thoát khỏi tay anh nữa. Anh bình tĩnh lại vào hàng uống một cốc thạch nhưng cái chính là để sửa lại áo quần, sửa mặt và chải chuốt tóc tai một tí vì đi đường trường nó cũng



phong trần quá. Lúc ngắm lại thấy tóc mình cũng đã tốt và cắt tóc đi chắc cũng xinh lên một tí nên anh đi cắt tóc luôn. Chắc em cũng không để ý nhưng người đàn ông đôi khi quá lo xa thế.

Làm xong mọi việc, anh chuẩn bị sang Kỳ Lừa thì trời vừa tối, anh đạp xe một vòng và bất chợt gặp em. Đứng xa trông thì đích thị là em rồi nhưng nếu đến gần quá mà không phải thì xấu quá và ngượng chết nên anh vòng xe lại. Vừa vòng xe vừa chú ý xem cho thật đúng là em không và đúng là em thật thì quay lại có thể gặp ngay. Chính em cũng đã thấy anh vòng xe, em nghĩ thế nào lúc đó nhỉ?

Em có tin chắc là anh trăm phần trăm không? Và nếu tin chắc thì đoán thế nào anh lại vòng xe lại nhỉ?"

(Thư ba gửi mẹ, 1960)

Hóa ra, không chỉ có mẹ tôi, cô thiếu nữ thuở tuổi trắng tròn cứ thấy ba về là chạy vào nhà kiếm ngay cái áo nâu đẹp nhất ra mặc. Ba khi 26 tuổi, trước lúc gặp người mình yêu nhớ mong chờ, cũng “lên đồ” chỉnh chu và “soái ca” không kém!

Giờ phút trọng đại sắp đến.

Lại nói đến mẹ, khi lên Lạng Sơn học, mẹ báo cáo với lãnh đạo tại đây chuyện mình đã có chồng chưa cưới, đã ăn hỏi, lại là bộ đội. Vì vậy khi ba vào cơ quan mẹ, các cô chú đều quý mến lắm. Mẹ cũng dẫn ba đi chào hỏi















